

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/HC-PT

Ngày: 12/9/2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính về quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Phan Thị Vân Hương.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Lê Đỗ Quyên  
Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8375/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa:

***1. Người khởi kiện:***

1.1. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1939.

Người đại diện hợp pháp của bà L là bà Nguyễn Thị O (theo Giấy uỷ quyền ngày 07-11-2017); cùng nơi cư trú: Thôn A, xã D, huyện Đ, thành phố H; bà L và bà O đều có mặt.

1.2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện Đ, thành phố H; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bà H:* Ông Nguyễn Văn L - Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Văn L, đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

***2. Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; địa chỉ: Số 12 đường K, quận U, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc H, chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H (Văn bản ủy quyền số 52/UBND-UQ ngày 10-9-2019); vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. UBND xã D, huyện Đ, thành phố H.

Chủ tịch UBND xã D ủy quyền cho ông Vương Ngọc T - Phó Chủ tịch UBND xã D (Giấy ủy quyền số 67/UBND-TP ngày 11-9-2019), có mặt.

3.2. Chủ tịch và UBND huyện Đ, thành phố H.

Người được ủy quyền là ông Nguyễn Anh - Phó Chủ tịch UBND huyện Đ (Văn bản ủy quyền số 106/GUQ-UBND ngày 12-10-2017); vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Vực, xã D, huyện Đ, thành phố H; đã chết ngày 11-02-2017.

3.4. Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1920; vắng mặt.

3.5. Bà Tài Thị P, sinh năm 1961; có mặt.

3.6. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; vắng mặt.

3.7. Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1995; có mặt.

Cùng trú tại: Địa chỉ: Thôn Vực, xã D, huyện Đ, thành phố H.

Ông Nguyễn Đình Đ, bà Tài Thị P, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình N đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình L trong vụ án, điều ủy quyền cho ông Tài Phan A (Giấy ủy quyền ngày 22-6-2018), ông A có mặt.

3.8. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1949; địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 199 đường L, quận H, thành phố H; đã chết ngày 07-4-2018.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Đình Q gồm có: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1952; chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1977; anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 9, ngõ 199 đường L, phường P, quận H, thành phố H. Điều ủy quyền cho Ông Tài Phan A (Giấy ủy quyền ngày 22-6-2018); bà V, chị B, anh T đều vắng mặt, ông A có mặt.

3.9. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1943; có mặt.

3.10. Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1951; vắng mặt.

3.11. Ông Nguyễn Đình E, sinh năm 1958; vắng mặt.

Nơi cư trú: Số nhà 33 đường Nguyễn B, phường Nguyễn D, quận H, thành phố H.

3.12. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà 26, ngõ 28 Ngọc Hà, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố H; vắng mặt.

3.13. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số nhà 77 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố H; vắng mặt.

3.14. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 2, phố Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố H; vắng mặt.

Ông C, ông B, ông E, bà G, bà I và bà M đều uỷ quyền cho ông Tài Phan A (Giấy uỷ quyền ngày 22-6-2018); ông A có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Vợ chồng ông Nguyễn Đình L, bà Tài Thị P được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất ngày 05-9-2006 đối với diện tích 189,3m<sup>2</sup> đất tại thửa số 448, tờ bản đồ số 4, xã D, huyện Đ, thành phố H.

Bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H cho rằng: Diện tích 189,3m<sup>2</sup> đất tại thửa số 448, tờ bản đồ số 4, xã D, huyện Đ, thành phố H là di sản thừa kế của cụ Ngô Văn T và cụ Trần Thị Y để lại chưa chia. Cụ Ngô Văn T có 2 người vợ, cụ T với vợ cả là cụ Trần Thị Y sinh được bà Ngô Thị S; cụ T với vợ hai là cụ Nguyễn Thị R sinh được hai bà Ngô Thị L và Ngô Thị H. Cụ R chết năm 1952, cụ T chết năm 1957 và cụ Y chết năm 1975, đều không để lại di chúc và chưa phân chia di sản. Ông Nguyễn Đình Đ là chồng bà Ngô Thị S không được quyền hưởng di sản thừa kế của cụ T và cụ Y. Năm 1986, ông Nguyễn Đình Đ đăng ký, kê khai diện tích đất của cụ Ngô Văn T và cụ Trần Thị Y cùng trong thửa đất của gia đình ông Nguyễn Đình Đ, hình thành thửa đất số 128A với diện tích 822m<sup>2</sup> là không đúng. Ngày 30-9-2005, ông Nguyễn Đình Đ họp gia đình để phân chia đất cho các con, trong đó cho ông Nguyễn Đình L 189,3m<sup>2</sup> đất hình thành thửa đất số 448, tờ bản đồ số 4 đo đạc năm 2002 là không đúng.

Năm 2012, bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H khiếu nại việc cấp GCNQSD đất nêu trên. Ngày 29-01-2013, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 391/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của bà L và bà H; bà L và bà H không đồng ý Quyết định số 391/QĐ-UBND nên đã khiếu nại.

Ngày 24-6-2014, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3343/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà L và bà H với nội dung: Đồng ý với nội dung Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 của UBND huyện Đ giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H liên quan đến việc cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P đối với thửa đất số 448, diện tích 189,3m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 4.

Ngày 11-6-2015, bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân thành phố H; sau đó có bổ sung đơn khởi kiện nội dung: Đề nghị hủy Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H; hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P. Xem xét giải quyết cấp GCNQSD đất đối với đất di sản của bố mẹ bà L, bà H theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ hành chính thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 30/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố H quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H và các yêu cầu đề nghị xem xét đến các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan, cũng như yêu cầu buộc người bị kiện thực hiện công vụ, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ cấp ngày 05-9-2006 cho ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P.

Ngày 21/9/2016, người khởi kiện bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/9/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/KNPT-VC1-HC nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy Bản án sơ hành chính thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm lại.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 197/2017/HC-PT ngày 12/7/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, quyết định: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và Kháng nghị phúc thẩm số 09/KNPT-VC1-HC ngày 21/9/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H. Hủy toàn bộ Bản án sơ hành chính thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 28/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Căn cứ Điều 36, Điều 38, Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ cấp ngày

05-9-2006 cho ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P thừa đất số 448, tờ bản đồ số 4 (đo đạc năm 2002), xã D, huyện Đ, thành phố H.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H đề nghị hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H đề nghị hủy Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2018, người khởi kiện bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, bà H.

Ngày 27/9/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 30/KNPT-VC1-HC nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo là bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp, nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, bà H.

Bà Tài Thị P đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng: Ngày 17-6-2015, bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ cấp ngày 05-9-2006 cho ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P và cấp GCNQSD đất đối với

đất di sản của bố mẹ bà L, bà H theo quy định của pháp luật. Toà án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30; khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H; Quyết định giải quyết khiếu nại số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ cấp ngày 05-9-2006 cho ông L và bà H:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

[2.1.1]. UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai 2003.

[2.1.2]. Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H ban hành để giải quyết khiếu nại đối với bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

[2.2.1]. Về thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P: Thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ ông L là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Cụ thể là ngày 30/9/2005 hộ ông L có đơn kê khai xin cấp GCNQSD đất, Hội đồng xét cấp GCNQSD đất ở xã D tổ chức họp xét duyệt vào ngày 15/11/2005 đối với 166 trường hợp gia đình, cá nhân đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất, trong đó có hộ ông L và kết thúc công khai hồ sơ các trường hợp đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất vào ngày 07/12/2005. Tuy nhiên, đến ngày 10/5/2006, UBND xã D mới xác nhận về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L. Như vậy, tại điểm xét duyệt hồ sơ ngày 15/11/2005 và thời điểm kết thúc công khai hồ sơ ngày 07/12/2005 thì UBND xã D chưa thực hiện việc xác nhận và niêm yết công khai hồ sơ về nguồn gốc thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, phù hợp quy hoạch kế hoạch theo trình tự quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP. Mặt khác, hồ sơ xét GCNQSD đất của hộ gia đình ông L chưa có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đối với

trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSD đất. Đối chiếu với các quy định và hướng dẫn nêu trên thì thấy UBND huyện Đ không thẩm tra xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất tại trụ sở UBND xã, thị trấn trong thời gian 15 ngày; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất không kiểm tra các điều kiện và khi những trường hợp đủ điều kiện thì làm trích lục bản đồ địa chính... là chưa đúng theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất.

[2.2.2]. Trình tự, thủ tục của Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H đúng quy định tại Điều 27, Điều 29, Điều 31, Điều 33, Điều 36, Điều 38 và Điều 40 Luật Khiếu nại.

[2.3]. Về căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện.

[2.3.1]. Căn cứ cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P. Theo tài liệu có trong hồ sơ cho thấy: Thửa đất số 448 diện tích 189,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002, theo trình bày của ông Nguyễn Đình Đ và các bà Ngô Thị L và Ngô Thị H đều thừa nhận là đất thổ cư, có nguồn gốc của bố mẹ các ông bà là cụ Ngô Văn T, cụ Trần Thị Y và cụ Nguyễn Thị R. Các cụ mất đi không để lại di chúc phân chia tài sản nhà đất cho các con, hồ sơ quản lý về đất đai của Ủy ban nhân dân xã D qua thời kỳ các năm 1962, 1986, 2002 không thể hiện thống nhất ai là người sử dụng đất của cụ Ngô Văn T đối với các thửa đất trên. Theo Bản đồ địa chính và Sổ mục kê năm 1986 thể hiện ông Nguyễn Đình Đ (là chồng của bà Ngô Thị S) đứng tên kê khai sử dụng thửa đất số 128A diện tích 822m<sup>2</sup> (bao gồm cả diện tích đất các cụ để lại và đất của ông Nguyễn Đình Đ). Ông Nguyễn Đình Đ không có chứng cứ chứng minh các cụ có ý chí chuyển quyền sử dụng diện tích 189,3m<sup>2</sup> đất cho vợ chồng ông Đ. Theo tài liệu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã D cũng như ý kiến của bà Ngô Thị L và Ngô Thị H thì nguồn gốc diện tích 189,3m<sup>2</sup> đất là đất thổ cư của bố mẹ các ông bà là cụ Ngô Văn T, cụ Trần Thị Y và cụ Nguyễn Thị R để lại nhưng không có di chúc phân chia tài sản nhà đất cho các con. Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 189,3m<sup>2</sup> đất là di sản thừa kế; bà Ngô Thị S (vợ của ông Đ, chết năm 2012), bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H có quyền được hưởng thừa kế di sản của cụ Ngô Văn T, cụ Trần Thị Y và cụ Nguyễn Thị R. Vợ chồng ông Đ đã tự ý phân chia diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông L và bà H, sau đó vợ chồng ông L làm thủ tục đăng ký cấp GCNQSD đất và đã được cấp GCNQSD đất là không đảm bảo quyền lợi cho các đồng thừa kế khác. Về trình tự, thủ tục và nội dung cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Đình L và bà Tài

Thị P là chưa đúng theo quy định của pháp luật, nên cần hủy GCNQSD đất nêu trên. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H, cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; sửa bản án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ cấp ngày 05-9-2006 cho ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P thừa đất số 448, tờ bản đồ số 4 (đo đạc năm 2002), xã D, huyện Đ, thành phố H.

[2.3.2]. Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H; khẳng định việc UBND huyện cấp GCNQSD đất cho hộ ông L, bà H là đúng đối tượng và trình tự luật định. Như phân tích tại [2.3.1] việc cấp GCNQSD đất là sai nên cần thiết hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

[2.3.3]. Quyết định giải quyết khiếu nại số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H đồng ý với nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Theo phân tích tại [2.3.2] hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND, nên Quyết định số 3343/QĐ-UBND cũng bị hủy.

[3]. Về án phí: Theo quy định Nghị quyết số 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L và bà H số tiền 400.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố H (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04724 ngày 16-9-2013). Chủ tịch UBND thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H; chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H. Cụ thể:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 581437 do UBND huyện Đ cấp ngày 05-9-2006 cho ông Nguyễn Đình L và bà Tài Thị P thừa đất số 448, tờ bản đồ số 4 (đo đạc năm 2002), xã D, huyện Đ, thành phố H.

Hủy Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 29-01-2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H.



Hủy Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 24-6-2014 của Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H.

Về án phí: Bà Ngô Thị L và bà Ngô Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà L và bà H số tiền 400.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố H (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04724 ngày 16-9-2013). Chủ tịch UBND thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Bình**